

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 7 năm 2025

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lộc Thị Kim Thơm

2. Bà Hà Thị Vinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy - Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 1 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Lương Nguyễn Thảo Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại Cơ sở 1 Toà án nhân dân Khu vực 1 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh ngày 10/01/1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn Đ, xã X, tỉnh Tuyên Quang). *Có mặt.*

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn T1, sinh ngày 14/8/1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn Đ, xã X, tỉnh Tuyên Quang). *Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đỗ Văn T1 được tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 01/3/2013. Sau khi được bố mẹ họ hàng hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị về chung sống tại thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống

chung ban đầu cũng đầm ấm vui vẻ nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh T1 là người nghiện ma túy phải đi chấp hành án. Sau khi trở về anh T1 hay đưa bạn bè về nhà nhậu nhẹt, không tu chí làm ăn, giữa anh chị còn xảy ra cãi vã, xô xát dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt trầm trọng, anh chị đã sống ly thân khoảng từ tháng 01/2025 đến nay. Hiện tại chị và anh T1 không còn quan tâm gì đến nhau, không liên quan gì đến tình cảm và kinh tế. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do không có con chung đây cũng là nguyên nhân khiến cho anh chị mâu thuẫn, không hàn gắn được.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T xác định, chị và anh Đỗ Văn T1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Phạm Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T1 đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T1 theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đỗ Văn T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T được tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 01/3/2013. Sau đó, anh chị về chung sống tại thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của anh chị diễn ra bình thường, thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã xô xát nhưng không trầm trọng, mỗi lần có mâu thuẫn chị T có bỏ nhà đi vài ngày nhưng chị T vẫn thi thoảng về sống cùng anh. Do vậy, anh không nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T. Đề nghị Toà án bác nội dung đơn khởi kiện để anh chị được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đỗ Văn T1 xác định, anh và chị T có 01 ngôi nhà được xây trên đất đứng tên bố mẹ anh, anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn T1 đến Toà án để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Đỗ Văn T1 không đến Toà án để hòa giải vụ án nên không tiến hành hòa giải được. Theo cung cấp thông tin của trưởng thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Đ, xã X, tỉnh Tuyên Quang) cũng như bà Vũ Thị S (mẹ đẻ anh Đỗ Văn T1) thì việc chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X là đúng thực tế, hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau sinh sống làm ăn tại thôn Đ, xã X. Về mâu thuẫn cụ thể của anh chị, thôn không nắm được, tuy nhiên năm 2023 anh T1 có đi chấp hành án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, trong thời gian đó chị T ở nhà có quan hệ tình cảm với người khác, gia đình có báo chính quyền thôn đến lập biên bản. Đến khi anh T1 trở

về, anh chị vẫn sống cùng nhau, nhưng thi thoảng chị T lại bỏ đi từ 01 đến 02 tháng rồi lại về nhà để sống cùng anh T1. Nay chị T có đơn khởi kiện ly hôn với anh T1, đề nghị Toà án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng quy định tại Điều 28, 48 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tham gia tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn T1.

+ Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn T1 đều xác định anh chị không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

+ Về tài sản chung; nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn T1 xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Phạm Thị T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đỗ Văn T1 không phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tuyên Quang) giải quyết ly hôn đối với bị đơn anh Đỗ Văn T1 nơi cư trú tại thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Đ, xã X, tỉnh Tuyên Quang). Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1-Tuyên Quang).

Vụ án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tòa

án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Đỗ Văn T1.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 01/3/2013, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống tại thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu anh chị chung sống bình thường hạnh phúc, có những bất đồng trong lối sống nhưng chưa gay gắt. Đến đầu năm 2025 mâu thuẫn trầm trọng, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống, thi thoảng chị có về nhà thăm anh T1 nhưng hai vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi vã, anh T1 ham vui, rượu chè với bạn bè mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1, giữa anh chị cũng không có con chung, cả hai bên đã không còn giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, không có sự quan tâm, chia sẻ mà bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Trên thực tế, mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã không còn tồn tại, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo các phiên hoà giải nhưng anh T1 không có mặt, điều đó cho thấy anh T1 cũng không có mong muốn được hoà giải đoàn tụ. Tại biên bản lấy lời khai anh T1 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã xô xát nhưng không trầm trọng, anh không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài, cả hai đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T, xử chị T được ly hôn với anh Đỗ Văn T1 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn T1 cùng xác định, anh chị không có con chung, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn T1 cùng xác nhận tự thoả thuận về tài sản chung và anh chị không nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Đỗ Văn T1 không phải chịu án phí.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T về việc Tranh chấp ly hôn với anh Đỗ Văn T1.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn T1 (Giấy chứng nhận kết hôn 23, ngày 01/3/2013, tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nay là UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang).

2. *Về án phí:* Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003147281 ngày 05/3/2025 của Công ty Cổ phần T2 và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 25 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí.

Anh Đỗ Văn T1 không phải chịu án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 1-Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Xuân Vân, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quan Thị Thu Trang